

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Diễn biến hồi phục trên diện rộng ở nhóm cổ phiếu dầu khí và ngân hàng

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng giá trong phiên hôm nay, trái ngược với diễn biến điều chỉnh nhẹ ở chỉ số VN30

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

FRT, BMP

[Cập Nhật Công Ty]

PVS, MWG, TCB, VIC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT tiếp tục được khuyến nghị chỉ trải lệnh ở các vùng giá thấp, mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn nếu chỉ số rơi sâu xuống vùng hỗ trợ đề cập.

29/04/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	769.11	+0.25
VN30	715.33	-0.06
HĐTL VN30	702.50	+1.22
HNXIndex	106.84	+0.55
HNX30	203.60	+0.96
UPCoM	52.22	+0.21
USD/VND	VND23,309	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.01	-2
Lãi suất qua đêm (%)	2.10	+26
Dầu (WTI, \$)	13.86	+12.32
Vàng (LME, \$)	1,707.45	-0.02

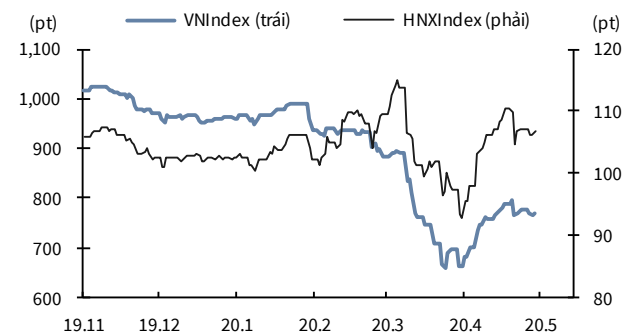


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	769.11 (+0.25%)
KLGD (triệu CP)	211.3 (+10.1%)
GTGD (triệu US\$)	178.8 (+14.4%)
HNXIndex	106.84 (+0.55%)
KLGD (triệu CP)	47.9 (+16.6%)
GTGD (triệu US\$)	14.1 (+14.1%)
UPCoM	52.22 (+0.21%)
KLGD (triệu CP)	12.1 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$)	6.3 (+14.3%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-21.4

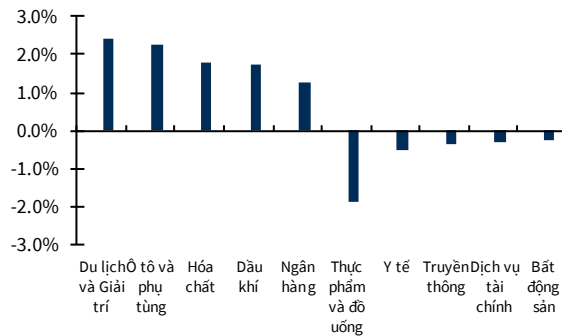
Diễn biến hồi phục trên diện rộng ở nhóm cổ phiếu dầu khí và ngân hàng trong phiên hôm nay giúp TTCK Việt Nam có phiên tăng điểm nhẹ. Cụ thể, với việc giá dầu thế giới đang có diễn biến hồi phục tốt trên thị trường Châu Á, nhóm cổ phiếu dầu khí như PVD (+4.5%), PVS (+2.7%)... đồng loạt tăng mạnh. Trong khi đó, với việc được gia tăng tỷ trọng trong rổ ETF VN30, bộ đôi cổ phiếu ngân hàng VCB (+1.5%) và CTG (+5%) dẫn dắt nhóm cổ phiếu ngân hàng hồi phục, trong bối cảnh chỉ số CPI tháng 4 mới đây được công bố sụt giảm mạnh so với tháng trước cũng giúp gia tăng kỳ vọng của thị trường về các chính sách tiền tệ nới lỏng của NHNN. Với việc Bộ Giao Thông Vận Tải cho phép các hãng hàng không nâng gấp 2.5 lần tần suất bay nội địa với lộ trình chia làm 3 giai đoạn, nhóm cổ phiếu hàng không như HVN (+3.1%), VJC (+2.3%)... tăng mạnh. Nhóm cổ phiếu sẫm lớp như DRC (+4.3%), SRC (+0.6%), CSM (+0.6%) đồng loạt tăng giá sau khi công bố KQKD Q1 tăng trưởng tố nhờ việc giá nguyên liệu là cao su sụt giảm mạnh trong quý 1. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng ở VGC (0%), VNM (-1.5%), VCB (+1.5%)...

VN Index & HNX Index



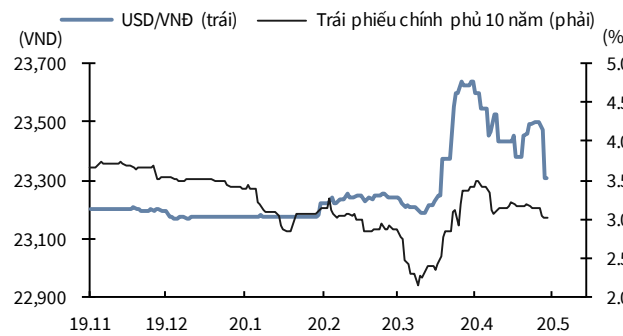
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



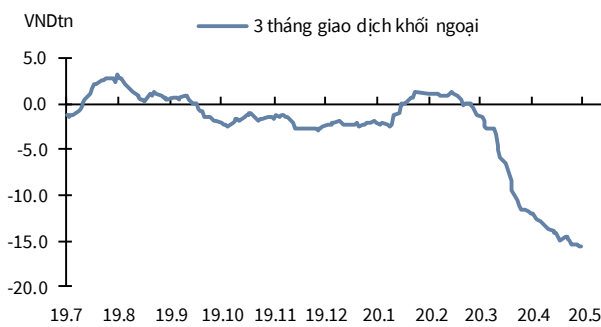
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	715.33 (-0.06%)
VN30 tương lai	702.5 (+1.22%)
Mở cửa	696.0
Cao nhất	707.1
Thấp nhất	692.6
Hợp đồng	223,936 (-7.2%)

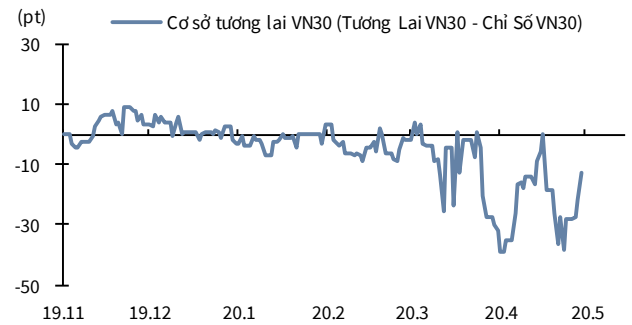
Các HĐTL đồng loạt tăng giá trong phiên hôm nay, trái ngược với diễn biến điều chỉnh nhẹ ở chỉ số VN30 Index do chịu áp lực bán gia tăng về cuối phiên dưới ảnh hưởng của hoạt động cơ cấu danh mục quỹ E1FVN30. Theo đó, chênh lệch âm ở F2005 thu hẹp mạnh xuống mức -12.8 điểm. Thanh khoản thị trường sụt giảm so với phiên trước nhưng vẫn ở mức cao. Nhà đầu tư nước ngoài giao dịch với khối lượng ở mức trung bình cao, bán ròng ở F2005.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



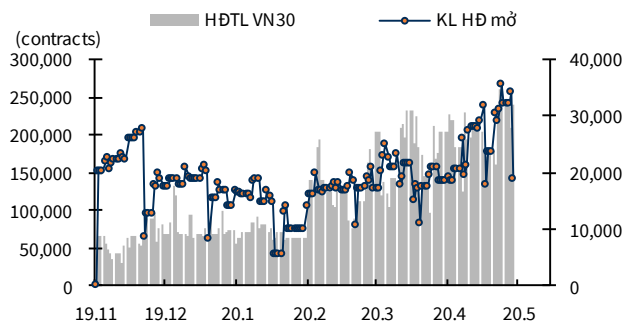
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



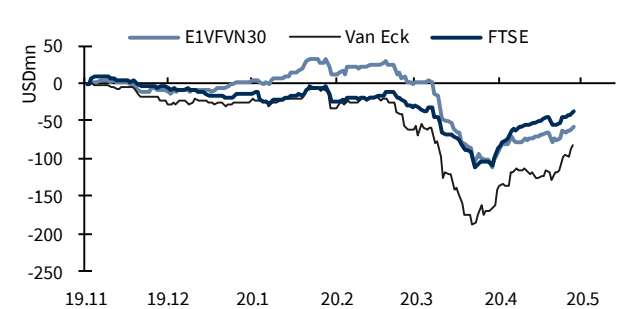
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

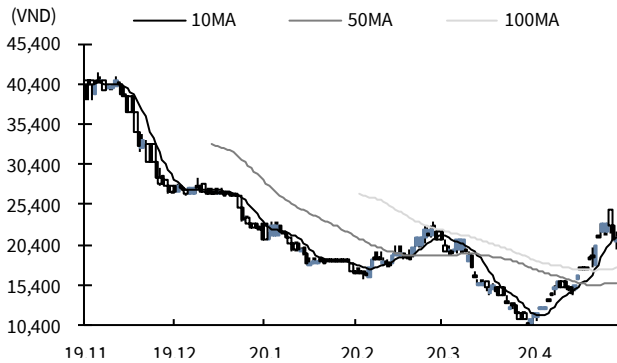
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

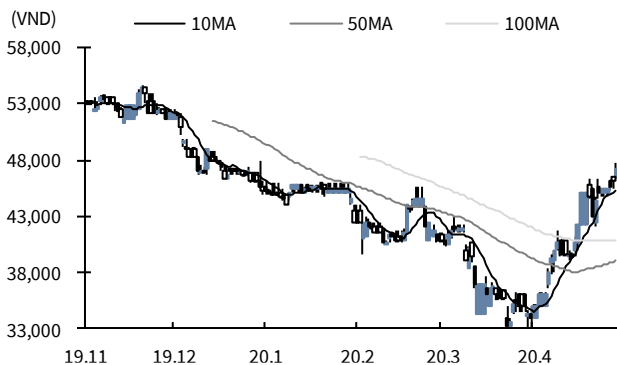
FPT Retail (FRT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FRT tăng 0.5% lên 21,250 VNĐ/cp.
- FRT vừa công bố kết quả kinh doanh quý I với lợi nhuận sau thuế 35.6 tỷ (-44% YoY) và doanh thu 4,093 tỷ (+2% YoY). Lợi nhuận FRT giảm mạnh, trong khi doanh thu đi ngang có nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chi phí bán hàng (390 tỷ, +24.7% YoY) và chi phí quản lý doanh nghiệp (102 tỷ, +54.4% YoY) tăng mạnh.

Nhựa Bình Minh (BMP)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BMP tăng 2.2% lên 47,200 VNĐ/cp.
- BMP vừa công bố báo cáo tài chính quý I với lợi nhuận sau thuế đạt 102.4 tỷ (+12.4% YoY) và doanh thu 1,019.8 tỷ (+9.5% YoY). Lợi nhuận BMP tăng nhờ giá nguyên liệu đầu vào là nhựa PVC giảm mạnh theo xu hướng giảm của giá dầu. Theo đó, biên lợi nhuận gộp của BMP tăng nhẹ lên 24.1% từ mức 22.6% cùng kỳ.

Ngân hàng TMCP Techcombank

Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ là động lực thúc đẩy kết quả kinh doanh Quý 1

Thu nhập Quý 1 tăng 20% nhờ tích cực thu mua trái phiếu để duy trì tăng trưởng tín dụng

— Thu nhập Quý 1 khả quan đạt 2,506 tỷ đồng (tăng 19.8% YoY) khi Techcombank tích cực mua trái phiếu để duy trì tăng trưởng tín dụng chung ở mức 27.6% YoY so với mức 5.8% trong Quý 4/2019. Bức tranh về kết quả của Techcombank sẽ rõ ràng hơn khi nhìn nhận trên góc độ tăng trưởng liên tục theo quý: tăng trưởng tín dụng tăng 6.9% QoQ so với mức tăng trưởng 4.0% QoQ trong Quý 4/2019, trong khi tăng trưởng cho vay khách hàng gần như dừng lại ở mức 0.5% QoQ so với 12.4% QoQ ở Quý 4/2019. Ban lãnh đạo quyết định mở rộng danh mục trái phiếu với mức tăng 26.1% QoQ so với mức tăng 15.1% QoQ trong Quý 4/2019 nhằm bù đắp tăng trưởng cho vay khách đình trệ và hỗ trợ tăng trưởng tín dụng nói chung thông qua thu mua trái phiếu doanh nghiệp, bên cạnh đó cũng góp phần quản lý thanh khoản bằng cân đối khi mua vào thêm trái phiếu Chính Phủ. Tiền gửi của khách hàng tăng 1.6% QoQ/13.0% YoY và tỷ lệ cho vay khách hàng trên tiền gửi thuần (LDR thuần) giảm nhẹ, hiện đang ở mức 98.7% từ mức 99.8% trong Quý 4/2019. Danh mục trái phiếu có sự thay đổi so với cuối năm 2019 khi trái phiếu doanh nghiệp chiếm 44% (so với 46% trong Quý 4/2019) và trái phiếu Chính Phủ chiếm 36% (so với 30% trong Quý 4/2019).

Tăng trưởng tín dụng mạnh góp phần giảm thiểu chất lượng tín dụng suy yếu

— Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ và sự dịch chuyển tài sản sang trái phiếu là yếu tố cho phép ngân hàng giảm thiểu tác động khi tín dụng đang cho thấy dấu hiệu đi xuống ở hầu hết các ngân hàng. Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống còn 1.09% trong Quý 1/2020 so với 1.33% trong Quý 4/2019 và tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý cũng giảm từ 2.11% trong Quý 1/2020 so với 3.95%. Mức tăng trưởng tín dụng cao và quy mô tương đối lớn hơn của tài sản sinh lời cũng cho phép Techcombank đẩy tăng chi phí tín dụng lên cao hơn. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 1.5 lần so với quý trước, đạt 772 tỷ đồng, tương đương 0.33% tổng dư nợ so với mức 0.14% tổng dư nợ tại Quý 4/2019. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng lên 117.9% từ 94.4% ở Quý 4/2019 và bao phủ nợ xấu và nợ cần chú ý lên 61.0% từ 52.6% trong Quý 4/2019.

Thu nhập từ phí đi ngang do các động thái hỗ trợ khách hàng trong dịch COVID-19 và chi phí được kiểm soát

— Cơ sở tài sản cao cũng giữ mức tăng trưởng thu nhập về phí mạnh mức 51.5% YoY, đạt 862 tỷ đồng nhưng đã giảm 36.8% QoQ do các động thái hỗ trợ khách hàng trong mùa dịch. Biến động cao hơn trên thị trường chứng khoán và trái phiếu cũng dẫn đến mức tăng gấp bốn lần lợi nhuận từ danh mục chứng khoán và trái phiếu nắm giữ lên tới 630 tỷ đồng. Chi phí hoạt động chủ yếu được kiểm soát, với tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) giảm nhẹ xuống mức 33.5% từ 36.6% trong cùng kỳ năm ngoái.

Thế giới Di động (MWG)

Tăng trưởng lợi nhuận dương trong Q1 bất chấp đại dịch

Doanh thu quý 1 tăng trưởng dương dù đóng cửa toàn quốc

MWG ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất quý 1/2020 ở mức 29,532 tỷ đồng (tăng 17% YoY) tương ứng với 24% kế hoạch kinh doanh cả năm của công ty. LNST quý 1 vẫn tăng trưởng một chữ số với 1,135 tỷ đồng (+ 9% YoY), hoàn thành 23% mục tiêu NPAT năm 2020. Doanh số bán hàng điện tử và đồ gia dụng cho thấy sự tăng trưởng doanh thu YoY tích cực, trong khi doanh thu máy tính xách tay tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái khi người dân thực hiện giãn cách xã hội nên buộc phải làm việc hoặc học ở nhà. Doanh số thực phẩm và FMCG tiếp tục tăng 178% YoY. Tỷ suất lợi nhuận gộp Q1/2020 được duy trì thành công ở mức trên 20% so với 18% cùng kỳ năm trước, nhưng tỷ suất lợi nhuận ròng giảm 30bps xuống còn 3.9% do chi phí nhân lực và kho vận tăng cao hơn cho chuỗi *Bách hóa Xanh*.

Tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng chuỗi *Bách hóa Xanh*

Doanh thu cho chuỗi *Bách hóa Xanh* (BHX) trong tháng 3 đã đạt mức cao kỷ lục ở mức 1,900 tỷ đồng trong tháng. BHX hiện đóng góp tới 22% tổng doanh thu của MWG vào tháng 3, so với 8% trong cùng kỳ năm ngoái. Có 90 cửa hàng BHX được mở mới trong tháng 3 (so với 30 cửa hàng mở mới trong tháng 1 và tháng 2), tổng cộng có 1,158 cửa hàng trên toàn quốc. BHX đã mở rộng mạng lưới của mình đến Cà Mau và Đắk Lắk, hiện diện tại tất cả các tỉnh/thành phố miền Nam Việt Nam và 4 tỉnh Nam Trung Bộ. Vào tháng 3, doanh thu trên mỗi cửa hàng của chuỗi này đã tăng 28% YoY lên hơn 1.6 tỷ đồng / cửa hàng / tháng, tuy nhiên điều này có thể chỉ xảy ra trong ngắn hạn do chủ yếu là từ nhu cầu dự trữ hàng hóa trước yêu cầu giãn cách xã hội của Chính phủ. BHX đã bán hơn 40,000 tấn thực phẩm tươi sống (+ 48% YoY) trong tháng 3. MWG cũng đã hoàn thành việc phát triển để triển khai chương trình “Đi chợ giúp bạn”, khách hàng có thể đặt mua bất kỳ sản phẩm nào trong giỏ hàng thiết yếu với khoảng 200 SKUs bao gồm cả thực phẩm tươi sống. Chương trình này đã được thí điểm tại TP HCM từ tháng 4 năm 2020.

Ban lãnh đạo đặt mục tiêu cả năm công ty tăng trưởng 13% doanh thu và 35% lợi nhuận

Trong năm 2020, MWG đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất đạt 122,445 tỷ đồng (+13% YoY) và LNST ở mức 4,835 tỷ đồng (tăng 35% YoY). Ban lãnh đạo không có ý định thay đổi kế hoạch kinh doanh của năm và tự tin công ty sẽ hoàn thành được kế hoạch này.

Kỹ thuật dầu khí VN (PVS)

COVID-19 giá dầu & Brent thấp ảnh hưởng M&C và FPSO

Lợi nhuận Q1 rớt 68.5% vì mảng M&C và LN từ liên doanh FPSO

— Lợi nhuận Q1 giảm còn 120.86 tỷ VND (giảm 68.5% YoY) vì: 1) Hoạt động mảng M&C bị ảnh hưởng tiêu cực đến từ COVID-19 và giá dầu giảm mạnh và 2) LN từ liên doanh FPSO rớt do sản lượng dầu suy giảm. Về mảng M&C, COVID-19 và giá dầu thấp khiến các dự án EPC bị đình trệ, dẫn đến tổng doanh thu PVS giảm 20.8% còn 3.2 nghìn tỷ đồng và lợi nhuận gộp mảng M&C giảm còn 61 tỷ đồng (giảm 74.6% YoY). LN từ liên doanh, chủ yếu đến từ năm tàu FPSO, giảm xuống còn 31.9 tỷ VND (giảm 82.2% YoY) nhiều khả năng giá dầu thấp dẫn đến các tàu FPSO điều chỉnh giảm tạm thời sản lượng và giá thuê hoặc ghi nhận dự phòng liên quan đến hợp đồng với các chủ thầu (PVS chưa có thông báo chính thức về sự khác nhau này).

Các dự án 2020E khó bị hủy nhưng việc đình trệ ảnh hưởng lợi nhuận tiêu cực

— Đa số các dự án EPC của PVS liên quan đến khí và điện; vì vậy, ít khả năng những dự án này sẽ bị hủy bỏ do nhu cầu tiêu thụ điện ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, BLĐ cho rằng việc COVID-19 ảnh hưởng việc vận hành và giá dầu giảm suy giảm quyền quyết định giá sẽ khiến lợi nhuận của PVS trên những dự án này giảm. Ngoài *Sao Vàng – Đại Nguyệt và Gallaf*, PVS kỳ vọng sẽ ghi nhận 50 triệu USD từ cảng *LNG Thị Vải*.

Kế hoạch lợi nhuận thận trọng cho năm 2020E

— PVS đặt kế hoạch năm 2020 thận trọng với doanh thu và lợi nhuận lần lượt là 15 nghìn tỷ VND và 640 tỷ VND, giảm lần lượt 12.0% và 20.8% so với thực tế 2019. Theo PVS, năm 2020 vẫn là một năm khó khăn: 1) COVID-19; 2) Giá Brent thấp và 3) Nhu cầu khai thác suy giảm. Trong Q1, PVS đã đạt được 21.6% doanh thu kế hoạch và 18.9% lợi nhuận kế hoạch.

29/04/2020

Chuyên viên phân tích Bất động sản
Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Tập đoàn Vingroup - CTCP(VIC)

Kết quả kinh doanh Quý 1 bị ảnh hưởng bởi khách sạn và TTTM đóng cửa

Doanh thu Quý 1/2020 đạt 15,368 tỷ VND, giảm 30% so với cùng kỳ do không còn ghi nhận doanh thu bán hàng từ các siêu thị/cửa hàng Vinmart/Vinmart+.

— Doanh thu quý 1/2020 sụt giảm 58% yoy do (1) Khách sạn và các khu vui chơi bị đóng cửa do giãn cách xã hội (2) Hoạt động sản xuất vẫn ghi nhận lợi nhuận gộp âm (3) Doanh thu từ mảng chuyển nhượng bất động sản (BDS) giảm 18% yoy (4) Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế đạt 3,428 tỷ VND, tăng 78% yoy nhờ ghi nhận khoản doanh thu hoạt động tài chính từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con 8,359 tỷ VND. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 438 tỷ VND, giảm 58% yoy do khoản thuế phải trả từ lợi nhuận chuyển nhượng BDS, không được khấu trừ các khoản lỗ.

Hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư và dịch vụ du lịch, khách sạn bị ảnh hưởng đáng kể bởi dịch Covid-19.

- 28 khách sạn/khu nghỉ dưỡng Vinpearl phải đóng cửa trong tháng 3 khiến số lượt khách lưu trú giảm 32% yoy và không đem lại doanh thu trong quý 3. và nhiều khách sạn của Vinpearl phải đóng cửa, tạm dừng hoạt động. Trong tháng 4, toàn bộ các khách sạn và khu nghỉ dưỡng đóng cửa, tuy nhiên, hiện nay Vinpearl đã dần mở cửa trở lại hệ thống khách sạn.
- Do dịch bệnh Covid-19, các trung tâm thương mại (TTTM) của Vingroup đã phải tạm thời đóng cửa trong giai đoạn giãn cách xã hội. Tỷ lệ lấp đầy trung bình giảm còn 85% từ mức 89.3% so với quý trước do đóng cửa các cửa hàng VinPro.
- Trong quý 1/2020, Vingroup đã bàn giao 5,230 xe ô tô và 10,100 xe máy điện cho khách hàng. Ngoài ra, VinFast đã nhận đặt hàng 1,100 xe ô tô và 6,800 xe máy điện (so với kế hoạch năm là 20,000 ô tô và 85,000 xe máy điện).
- Trong quý 1/2020, Vinsmart đã bán 456,000 điện thoại, trở thành top 3 thương hiệu có thị phần trên 15% với thị phần 16.7% trong tuần 4 của tháng 3/2020. Tính đến hết tháng 3/2020, Vinsmart đã ra mắt thị trường 12 mẫu điện thoại và 5 mẫu tivi thông minh, mở rộng thị trường sang Myanmar và Nga.

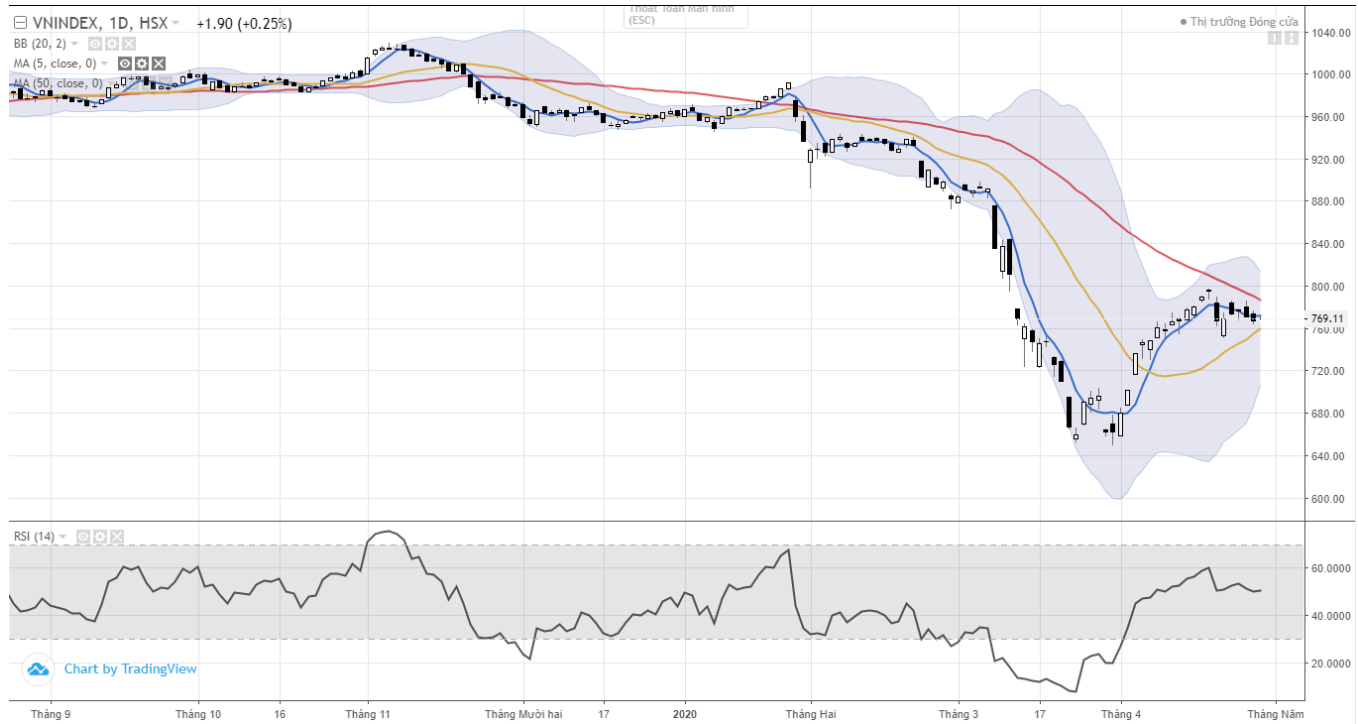
VIC điều chỉnh kế hoạch kinh doanh do ảnh hưởng của dịch bệnh.

- Kế hoạch kinh doanh điều chỉnh năm 2020 gồm: (1) Vingroup tiếp tục đẩy mạnh hoạt động bán buôn tại 3 đại dự án (Ocean Park, Smart City và Grand Park). Đối với kế hoạch mở bán các dự án mới, công ty sẽ chỉ mở bán dự án Wonder Park trong năm 2020 và đẩy lùi thời gian mở bán dự án Dream City và Galaxy sang năm 2021. (2) Công ty dự kiến chỉ mở mới 3/10 TTTM theo như kế hoạch trong đó có 1/3 Vincom Mega Mall được mở mới. (3) VinFast sẽ ra mắt mẫu ô tô mới V8 và 3 mẫu xe máy điện. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, kế hoạch bán hàng cả năm với 20,000 ô tô và 85,000 xe máy điện có thể phải điều chỉnh. (4) VinSmart tiếp tục giới thiệu các mẫu điện thoại mới để mở rộng thị phần.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

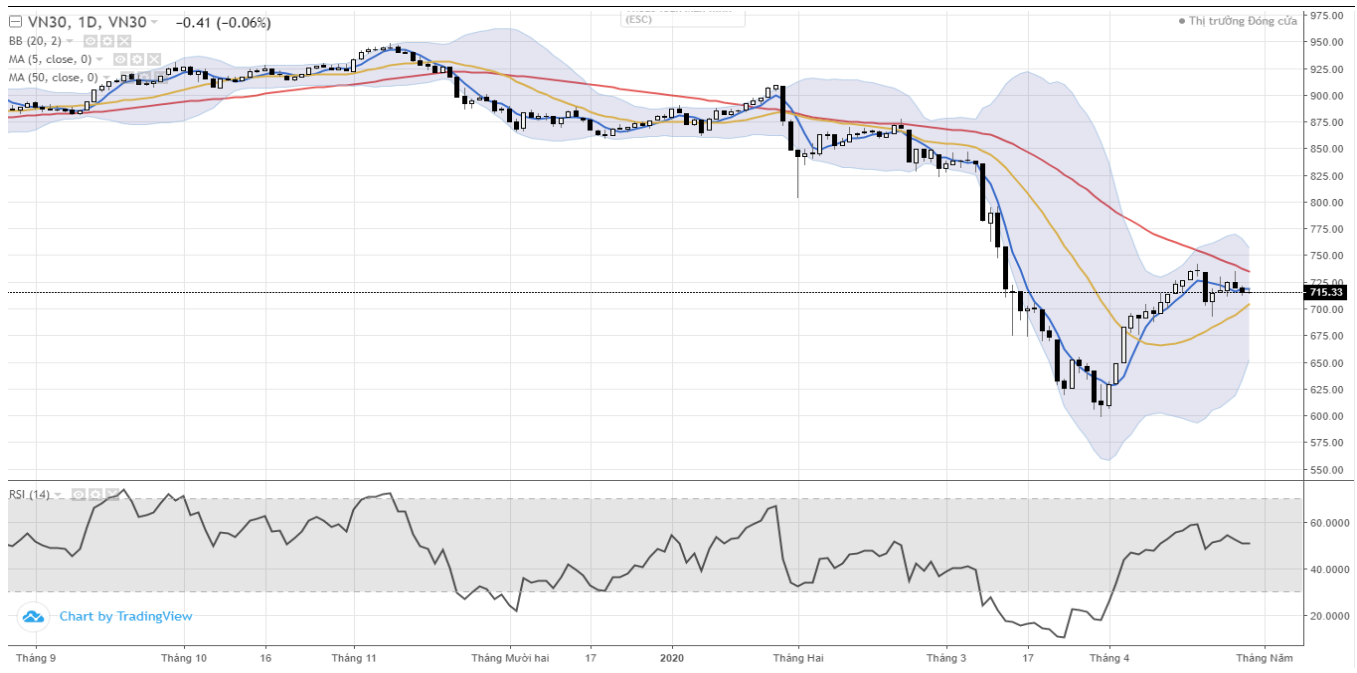
Thị Trường Cơ Sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

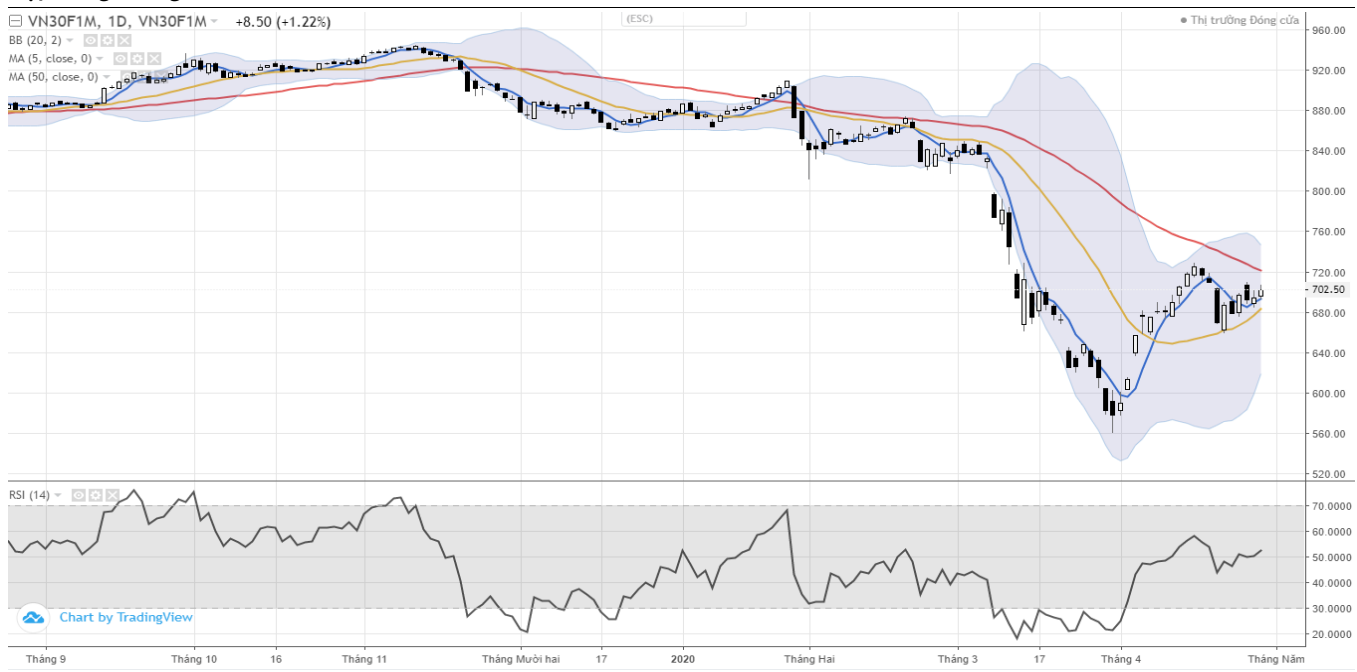
- Chỉ số VNIndex có một phiên diễn biến trầm lắng với biên độ dao động khá hẹp.
- Việc vận động tại điểm chính giữa của mô hình tam giác cân đi ngang khiến phiên hôm nay không có nhiều ý nghĩa trong việc xác định xu hướng. Chúng tôi tiếp tục cho rằng thị trường đang tạm thời nằm trong vùng trung tính và cơ hội cho một nhịp hồi chồm vượt đỉnh hoặc giảm về vùng hỗ trợ 74x đang khá cân bằng.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị chỉ trải lệnh ở các vùng giá thấp, mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn nếu chỉ số rơi sâu xuống vùng hỗ trợ đề cập.

Chỉ Số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VN30 và HĐTL F1 diễn biến trái chiều trong ngày cơ cấu danh mục E1VFN30 giúp cho độ lệch âm được thu hẹp đáng kể.
- Trạng thái kỹ thuật của VN30 và F1 cũng không có nhiều thay đổi và vẫn đang vận động trong môi trường trung tính, theo các mẫu hình tam giác cân nằm ngang.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị ưu tiên cho các vị thế trading trong phiên theo cả 2 chiều tại các ngưỡng hỗ trợ/kháng cự trên khung giờ cho đến khi bứt phá khỏi mô hình đi ngang hiện tại.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

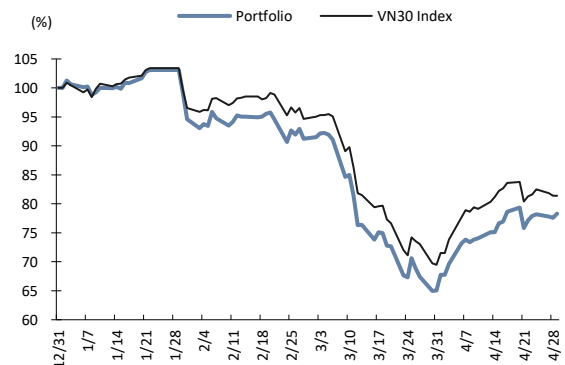
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.06%	0.97%
Tăng lũy kế (YTD)	-18.63%	-21.69%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 29/04/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	81,700	1.0%	-29.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	22,500	4.2%	-16.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	56,900	-0.5%	-25.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	15,950	0.9%	-19.1%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	30,000	-12%	-11.8%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,800	0.2%	31.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	20,000	5.0%	-18.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	115,500	2.3%	-10.6%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,500	0.5%	-8.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbác City Development (KBC)	09/03/2020	12,700	-2.7%	-7.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-1.6%	14.7%	22.9
VJC	2.3%	18.7%	19.9
NVL	0.2%	6.0%	16.4
CTG	5.0%	29.6%	16.4
DHC	2.7%	35.6%	15.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VGC	0.0%	13.3%	-264.2
VNM	-1.5%	58.5%	-75.6
VCB	1.5%	23.6%	-60.0
VRE	1.5%	31.5%	-26.1
KBC	-2.7%	22.4%	-17.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	3.8%	2.5%	6.2
PLC	9.7%	0.6%	0.6
HAD	-7.0%	9.5%	0.2
INN	0.0%	9.7%	0.1
DHT	0.9%	3.1%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-0.8%	9.3%	-9.3
HUT	5.9%	8.8%	-1.7
SHB	-0.6%	7.9%	-0.9
LHC	1.7%	24.5%	-0.8
SHS	2.6%	9.4%	-0.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	7.1%	GVR, PHR
Ô tô và phụ tùng	5.3%	TCH, HHS
Tài nguyên Cơ bản	3.9%	HPG, HSG
Xây dựng và Vật Liệu	3.2%	VGC, CTD
Y tế	2.2%	DHG, PME

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-6.3%	YEG, PNC
Dầu khí	-1.1%	PLX, PVD
Bảo hiểm	-1.0%	BVH, BIC
Dịch vụ tài chính	-1.0%	SSI, VCI
Thực phẩm và đồ uống	-0.8%	SAB, SBT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	30.9%	MWG, FRT
Hóa chất	26.5%	GVR, DCM
Du lịch và Giải trí	24.8%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	23.4%	HPG, HSG
Ô tô và phụ tùng	22.3%	TCH, DRC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	5.2%	PVD, PLX
Ngân hàng	8.6%	EIB, TPB
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.5%	LGC, THI
Bất động sản	10.6%	HPX, TIX
Truyền thông	12.5%	YEG, PNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDm)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	91,900	310,845 (13,264)	95,029 (4.0)	22.5	41.5	24.6	31.3	8.8	12.4	3.7	3.2	-0.1	-0.6	5.9	-20.1
	VHM	VINHOMES JSC	63,600	209,213 (8,927)	69,729 (3.0)	34.3	7.7	6.5	35.4	38.4	32.5	2.5	1.8	-1.5	-2.8	6.0	-25.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	23,100	52,491 (2,240)	72,252 (3.1)	17.5	17.9	14.1	11.9	10.2	12.1	1.8	1.6	1.5	-1.9	13.2	-32.1
	NVL	NOVA LAND INVES	53,200	51,580 (2,201)	32,715 (1.4)	32.4	19.1	18.7	-11.3	12.0	11.8	2.1	1.9	0.2	1.3	2.3	-10.6
	KDH	KHANGDIENHOUSE	20,950	11,406 (487)	10,890 (0.5)	4.8	9.9	8.7	16.8	14.6	15.2	1.4	1.3	1.9	2.4	7.7	-22.1
	DXG	DAT XANH GROUP	9,890	5,131 (219)	27,845 (1.2)	8.7	4.7	4.2	-11.5	12.3	15.2	0.6	0.6	-0.7	1.5	10.5	-31.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	68,000	252,204 (10,761)	105,916 (4.5)	6.4	14.1	11.8	16.7	20.4	20.2	2.6	2.2	1.5	-1.9	6.1	-24.6
	BID	BANK FOR INVESTM	35,600	143,184 (6,110)	44,332 (1.9)	12.2	19.0	15.1	5.7	11.9	11.5	1.8	1.7	1.3	-1.7	7.9	-22.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	17,200	60,202 (2,569)	32,385 (1.4)	0.0	5.5	4.7	8.2	16.9	17.4	0.8	0.7	0.6	1.8	7.5	-27.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,000	74,468 (3,178)	118,574 (5.0)	0.4	8.5	6.1	28.8	12.3	15.0	0.9	0.8	5.0	3.9	5.3	-4.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	20,500	49,974 (2,132)	90,149 (3.8)	0.5	5.3	4.6	11.8	19.4	18.3	1.0	0.8	-2.4	1.5	4.9	2.5
	MBB	MILITARY COMMERC	15,950	38,462 (1,641)	103,189 (4.4)	0.0	4.3	3.8	17.7	20.7	20.5	0.8	0.7	0.9	-0.9	9.2	-23.3
	HDB	HDBANK	20,650	19,946 (851)	33,193 (1.4)	8.5	5.5	4.6	13.8	20.6	20.2	0.9	0.7	0.5	-0.7	13.2	-25.0
	STB	SACOMBANK	9,100	16,413 (700)	88,922 (3.8)	13.4	7.0	5.4	39.1	9.4	10.8	0.6	0.5	1.3	-0.8	10.8	-9.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	17,400	14,208 (606)	2,254 (0.1)	0.0	3.8	3.5	44.5	25.7	21.6	0.9	-	-0.6	-1.7	-11.9	-17.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,000	18,441 (787)	7,072 (0.3)	0.0	32.3	30.9	-6.9	3.6	3.6	1.1	1.1	-1.0	-2.6	-4.5	-15.7
Bảo hiểm	BVH	BAOMET HOLDING	46,200	34,295 (1,463)	30,010 (1.3)	20.3	28.1	20.7	1.0	6.9	9.0	1.7	1.7	0.2	-1.7	21.6	-32.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,600	2,065 (088)	8,081 (0.3)	12.9	-	-	-	-	-	-	-	6.4	7.6	43.9	-8.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	13,000	7,812 (333)	45,628 (1.9)	48.8	8.0	7.3	-11.9	10.5	10.6	-	-	0.4	-2.3	22.1	-16.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	17,600	2,891 (123)	7,885 (0.3)	66.0	-	-	-	14.1	-	-	-	-0.6	-3.8	10.7	-40.3
	HCM	HOCHIMINH CITY	16,500	5,037 (215)	31,836 (1.4)	45.2	9.7	5.7	-16.4	12.5	17.7	1.1	0.9	-1.8	-1.5	33.6	-22.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	10,950	2,284 (097)	10,036 (0.4)	12.0	-	-	-	8.6	-	-	-	0.9	-1.8	-4.4	-24.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	99,000	172,396 (7,356)	152,357 (6.5)	41.5	17.5	16.2	3.7	38.2	38.9	5.9	5.4	-1.5	1.5	5.2	-15.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	163,000	104,529 (4,460)	15,628 (0.7)	36.7	22.8	19.2	7.5	24.3	26.5	5.1	4.6	-4.1	-6.9	25.8	-28.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	58,800	68,734 (2,933)	91,066 (3.9)	13.0	25.9	20.4	-30.3	7.4	8.3	1.6	1.4	-1.5	1.0	19.3	4.1
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,900	14,300 (610)	2,754 (0.1)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	1.6	4.9	-7.2	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	115,500	60,503 (2,582)	33,341 (1.4)	11.3	14.3	12.0	-9.5	25.6	27.3	3.5	3.2	2.3	0.3	19.2	-21.0
	GMD	GEMADEPT CORP	18,600	5,523 (236)	7,939 (0.3)	0.0	13.5	11.8	-53.2	7.3	8.3	0.9	0.9	2.2	6.3	17.0	-20.2
	CII	HOCHIMINH CITY	19,850	4,920 (210)	20,763 (0.9)	24.4	10.6	9.7	136.4	9.6	9.7	1.0	1.0	0.0	1.3	7.3	-11.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,760	2,134 (091)	73,113 (3.1)	46.7	-	-	-	-	-	-	-	0.3	5.3	0.0	-78.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	15,550	7,592 (324)	19,717 (0.8)	33.7	9.1	6.8	-12.1	9.6	15.5	1.1	1.1	0.3	-2.2	14.3	-19.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	62,700	4,784 (204)	15,770 (0.7)	2.6	9.3	8.5	-39.4	6.4	6.8	0.6	0.5	-1.7	10.6	22.7	22.2
	REE	REE	30,000	9,302 (397)	18,703 (0.8)	0.0	5.5	4.7	-2.8	14.9	15.6	0.8	0.7	-1.2	1.9	7.1	-17.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	63,400	121,344 (5,178)	57,069 (2.4)	45.7	16.1	12.2	-17.6	15.4	19.8	2.4	2.3	1.0	-0.2	8.9	-32.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	20,550	5,916 (252)	9,606 (0.4)	31.4	8.3	7.8	-2.9	16.9	18.4	1.4	1.4	0.2	3.3	23.1	-5.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,900	7,983 (341)	5,404 (0.2)	32.5	8.0	8.5	-8.0	16.6	15.4	1.3	1.3	-1.0	6.0	16.9	-7.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	21,500	59,363 (2,533)	159,523 (6.8)	12.3	7.2	5.5	-1.7	17.2	19.1	1.1	0.9	0.5	3.4	32.7	-8.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	14,300	5,596 (239)	35,086 (1.5)	33.3	9.9	9.6	-2.8	9.1	7.8	0.7	0.7	-1.0	-8.9	22.7	10.4
	DCM	PETROCA MAU FER	8,460	4,479 (191)	12,134 (0.5)	47.2	10.4	23.0	-14.7	7.8	3.5	0.7	0.7	1.4	6.1	50.3	30.2
	HSG	HOA SENG GROUP	7,350	3,266 (139)	41,499 (1.8)	31.5	8.3	6.3	0.0	7.0	8.5	0.5	0.5	0.0	15.7	54.4	-1.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,350	2,114 (090)	27,601 (1.2)	36.6	5.3	9.0	51.8	14.8	9.0	0.6	0.5	-0.8	3.3	21.1	-2.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	40,300	47,990 (2,048)	53,167 (2.3)	6.9	12.7	11.5	6.8	17.0	19.8	2.3	2.0	1.5	-1.0	2.0	-28.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	9,150	3,853 (164)	57,099 (2.4)	34.8	29.6	11.8	-7.6	1.0	2.6	0.3	0.3	4.5	-2.6	17.9	-39.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	9,830	2,767 (118)	21,227 (0.9)	23.0	5.2	4.7	-9.6	11.5	12.2	0.6	0.5	1.8	-4.1	22.7	-41.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	81,700	36,995 (1,579)	132,223 (5.6)	0.0	9.2	7.4	15.5	29.9	30.7	2.4	1.9	1.0	-0.4	29.1	-28.3
	PNJ	PHUNHUAN JEWELR	56,900	12,813 (547)	50,101 (2.1)	0.0	11.9	10.0	7.9	23.6	23.1	2.4	2.0	-0.5	-3.2	9.6	-33.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	56,800	1,676 (072)	1,972 (0.1)	68.8	23.9	17.4	-28.1	6.7	8.5	1.5	1.4	-0.4	-6.9	3.3	53.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,250	1,678 (072)	13,531 (0.6)	8.7	11.1	10.3	-33.4	11.1	10.6	1.0	0.9	0.5	5.2	90.6	1.0
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	45,200	6,125 (261)	31,678 (1.3)	40.3	5.7	5.3	30.3	38.0	35.0	2.0	1.7	-1.4	7.6	22.5	18.3
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	93,300	12,199 (521)	2,621 (0.1)	45.7	18.8	17.6	4.1	19.5	19.2	3.4	3.2	-0.6	2.5	15.2	2.0
IT	PME	PYME PHARCO JSC	61,700	4,628 (197)	1,179 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	4.6	16.0	13.6
	FPT	FPT CORP	50,800	34,629 (1,478)	97,461 (4.2)	0.0	10.4	9.0	17.2	24.1	25.0	2.2	2.0	0.2	-0.6	17.9	-12.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.